TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST
Ngày 18-03-2026
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thọ.

2. Ông Phan Thanh Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026, về việc: "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1979; Địa chỉ đăng ký thường trú: Số A Đường M, tổ H, khu phố D, phường B, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ hiện nay: G L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hiền Đ, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Số A Đường M, tổ H, khu phố D, phường B, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Hiền Đ chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 2003, tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do quan điểm nhìn nhận cuộc sống không phù hợp với nhau, cuộc sống hôn nhân nhạt nhẽo. Ông Đ coi thường và không tôn trọng bà H. Ông Đ và bà H sống ly thân từ tháng 05 năm 2025 đến nay. Bà H đã cố gắng hàn gắn nhưng không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 03/01/2002 và Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 20/01/2006, các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 30/01/2026, bị đơn ông Nguyễn Hiền Đ trình bày:

Ông Đ đồng ý với bà H về thời gian vợ chồng chung sống và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng vẫn có tiếng nói chung. Trong lúc nóng tính vợ chồng cãi nhau, ông Đ có đuổi bà H ra khỏi nhà và kêu nộp đơn ly hôn nhưng bản thân ông Đ không muốn, vợ chồng mâu thuẫn không trầm trọng nên ông Đ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 03/01/2002 và Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 20/01/2006, các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc H. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại phường B, thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn ông Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Đ tự nguyện chung sống, được Ủy ban nhân dân phường P, thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, thành phố Hồ Chí Minh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 07/8/2003, theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H thì thấy: Tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, mặc dù ông Đ không đồng ý ly hôn, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà H xác định không còn tình cảm với ông Đ và cương quyết được ly hôn. Xét thấy, sự mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông Đ là có thật, vợ chồng không có sự đồng cảm, quan tâm, chia sẻ buồn vui cùng nhau, bất đồng quan điểm, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cả hai đã sống ly thân với nhau một thời gian, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 03/01/2002 và Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 20/01/2006, các con đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông Đ không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn với ông Nguyễn Hiền Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 03/01/2002 và Nguyễn Quỳnh A1, sinh ngày 20/01/2006, các con đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002971 ngày 10/01/2026 của Cục Thi hành án dân sự khu vực thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy, bà H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (18/3/2026), đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 12. Tp HCM;
- THADS khu vực 12, Tp HCM;
- Các đương sự;
- UBND phường Bà Rịa, Tp HCM;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Mai